

Số: **2752** /LĐTBXH-VPQGGN
V/v rà soát và gửi dữ liệu hộ nghèo, hộ
cận nghèo định kỳ năm 2023

Hà Nội, ngày **19** tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Tiếp theo Công văn số 2113/LĐTBXH-VPQGGN ngày 08/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 năm 2023 và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; trong thời gian hoàn thiện hệ thống phần mềm rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023, cụ thể như sau:

1. Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn đảm bảo đúng quy trình quy định, công khai, minh bạch. Trong đó, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện truyền thông.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác rà soát, xác định, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 12 năm 2023 theo đúng mẫu biểu quy định và gửi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về giảm nghèo và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo phụ lục kèm theo./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Bá Hoan;
- Sở LĐTB&XH các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, VPQGGN.



Phụ lục
Hướng dẫn lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023
phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư
(Kèm theo Công văn số **2752/LĐTBXH-VPQGGN** ngày **19/7/2023** của
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. MẪU THU THẬP DỮ LIỆU HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

ST T	ST T Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ Quận/ thị xã	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1												
2													
3													
4	2												
5													

II. HƯỚNG DẪN CÁCH THU THẬP DỮ LIỆU HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

1. Một số thông tin chung

- Thông tin dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các mã tương ứng được quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

- Thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo lập theo mẫu trên, **không thêm, bớt cột**.

- Tất cả hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn phải được thu thập dữ liệu và tập trung **trong 1 biểu**; mỗi huyện, quận, thị xã thuộc tỉnh, thành phố lập **một sheet trong 1 file riêng**. Không tách từng file hoặc từng sheet riêng đối với xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố.

- Định dạng dữ liệu điện tử: file văn bản excel (File lưu: Tênhuyện.xlsx). Ví dụ: quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng ghi là: camle.xlsx

- Kiểu chữ: Times new roman.

- Cỡ chữ: 10.

- Trong bảng excel không gộp các ô bằng lệnh Merge & Center. Không đặt công thức trong các ô excel. Không ẩn hàng, ẩn cột.

- Dữ liệu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo phải liền mạch; không có dòng trống, không chèn thêm dòng ghi các thông tin khác ngoài thông tin của thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ví dụ: không chèn thêm dòng ghi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện...; không chèn thêm dòng ghi tên thôn, bản, xã, huyện, tỉnh (địa danh tỉnh, huyện, xã, thôn, bản đã được thể hiện tại các cột 9, 10, 11, 12); không chèn thêm dòng tổng số hộ, tổng số khẩu (đã được thể hiện ở cột 1, cột 2).

2. Hướng dẫn cách điền dữ liệu

Cột (1). Đánh số thứ tự người từ 1 đến hết. Ví dụ: huyện C, tỉnh D có số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo là 45.000 người, cột 1 đánh số thứ tự từ 1 đến 45.000.

Cột (2). Đánh số thứ tự hộ từ 1 đến hết. Ví dụ: huyện A, tỉnh B có số hộ nghèo, hộ cận nghèo là 15.015 hộ, cột 2 đánh số thứ tự từ 1 đến 15.015.

Cột (3). Họ và tên chủ hộ. Ghi đầy đủ họ và tên chủ hộ theo căn cước công dân hoặc mã định danh cá nhân của chủ hộ. Lưu ý: ghi đầy đủ tên chủ hộ đối với các dòng tương ứng có thành viên thuộc hộ gia đình. Ví dụ: Hộ ông Nguyễn Văn A có 4 thành viên ghi như sau:

STT Hộ	ST T	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD /Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ Quận/ thị xã	Xã/ Phường/ thị trấn	Thôn, bản, tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	1	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn A										
	2	Nguyễn Văn A	Phạm Thị N										
	3	Nguyễn Văn A	Nguyễn M										
	4	Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn Z										

Cột (4). Họ và tên thành viên. Ghi đầy đủ họ và tên thành viên hộ theo căn cước công dân hoặc mã định danh cá nhân của thành viên hộ, bao gồm cả tên chủ hộ.

Cột (5). Quan hệ với chủ hộ:

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Chủ hộ: ghi mã 1.

- Vợ/chồng chủ hộ: ghi mã 2.

- Con (bao gồm con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi): ghi mã 3.

- Bố/mẹ (bao gồm bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng, bố mẹ nuôi): ghi mã 4.

- Khác (bao gồm: ông, bà, cô, dì, chú, bác, cháu, anh, chị, em, cháu..): ghi mã 5.

Cột (6). Ngày, tháng, năm sinh. Ghi dạng (dd/mm/yyyy), ví dụ: ngày 20 tháng 5 năm 1988 ghi là **20/05/1988**. Trường hợp không có ngày, tháng sinh thì ghi ngày 01 tháng 01. Ví dụ: 01/01/1943.

Lưu ý: Không thay đổi định dạng như: 20.05.1988 hoặc 20-05-1988 hoặc 20/5/1988.

Cột (7). Giới tính: **Chỉ được điền bằng mã**, cụ thể:

- Nam ghi 1.
- Nữ ghi 2.

Cột (8). Số CCCD/mã ĐDCN: ghi theo số căn cước công dân và mã định danh cá nhân của thành viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. **Dùng dấu (‘)** trước chữ số căn cước công dân và mã định danh cá nhân.

Cột (9). Tỉnh/thành phố. Chỉ ghi tên tỉnh, thành phố. Ví dụ: thành phố Đà Nẵng ghi là **Đà Nẵng**, không ghi là TP Đà Nẵng hoặc thành phố Đà Nẵng. Không ghi mã tỉnh/thành phố.

Cột (10). Huyện/quận/thị xã. Chỉ ghi tên quận, huyện, thị xã. Ví dụ: quận Cẩm Lệ ghi là **Cẩm Lệ**, không ghi là: Quận Cẩm Lệ; Q. Cẩm Lệ; Q Cẩm Lệ; CL; quận CL. Không ghi mã Huyện/quận/thị xã.

Cột (11). Xã/phường/thị trấn: chỉ ghi tên xã, phường, thị trấn. Ví dụ. Xã An Đông, ghi là: **An Đông**, không ghi là: xã An Đông; x. An Đông; x An Đông hoặc АД. Trường hợp vừa có xã, vừa có thị trấn trùng tên thì ghi đầy đủ tên thị trấn, ví dụ: **thị trấn An Đông**. Không ghi mã Xã/phường/thị trấn.

Cột (12). Thôn/bản/tổ dân phố. Chỉ ghi thôn, bản, tổ dân phố, xóm, ấp. Ví dụ: ấp Tân Thới ghi là **Tân Thới**. Không ghi là ấp Tân Thới hoặc TTh. Không ghi mã Thôn/bản/tổ dân phố.

Cột (13). Dân tộc. **Ghi tên dân tộc theo bảng mã** của tổng cục Thống kê. Đối với các mã từ 01 đến 09, bỏ số 0, ghi từ 1, 2, 3,..., 9. Ví dụ: Kinh ghi mã 1. Tày ghi mã 2. Thái ghi mã 3. Hoa ghi mã 4. Khơ Me ghi mã 5. Mường ghi mã 6. Nùng ghi mã 7. Hmông ghi mã 8. Dao ghi mã 9.

Lưu ý: ghi đúng mã dân tộc, kể cả các tên gọi khác. Ví dụ: Thổ thuộc dân tộc Tày, ghi mã 2. Cao Lan, Sán Chỉ thuộc dân tộc Sán Chay, ghi mã 15.

Cột (14). Phân loại hộ

Chỉ được điền bằng mã, cụ thể:

- Hộ nghèo: ghi mã 1. Không ghi là: hộ nghèo; HN hoặc N.
- Hộ cận nghèo: ghi mã 2. Không ghi là: hộ cận nghèo; HCN hoặc CN.

Lưu ý: tất cả các thành viên trong hộ gia đình đều phải phân loại hộ.

Ví dụ: mẫu danh sách thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo

STT	STT Hộ	Họ và tên Chủ hộ	Họ và tên thành viên	Quan hệ với Chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh (dd/mm/yyyy)	Giới tính	Số CCCD/ Mã ĐDCN	Tỉnh/ Thành phố	Huyện/ Quận/thị xã	Xã/ Phường/thị trấn	Thôn/bản/ tổ dân phố	Dân tộc	Phân loại hộ
1	1	Sùng Thị Niễn	Sùng Thị Niễn	1	11/12/1981	2	010096003301	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	1
2		Sùng Thị Niễn	Vàng Văn Vương	2	05/10/1981	1	010195007092	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	1
3		Sùng Thị Niễn	Vàng Thị Hiêng	3	16/07/2009	2	010216007423	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	1
4	2	Liều Văn Đương	Liều Văn Đương	1	01/01/1942	1	0102215005074	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	9	1
5		Liều Văn Đương	Vàng Thị Phương	2	09/11/1947	2	010062002375	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	9	1
6	3	Vàng Văn Liêng	Vàng Văn Liêng	1	11/12/1965	1	010163002856	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	2
7		Vàng Văn Liêng	Liều Thị Lương	5	15/10/2010	2	010188006527	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	2
8		Vàng Văn Liêng	Vàng Văn Niêng	5	18/10/2012	1	010096003308	Lào Cai	Bắc Hà	Tà Chải	Nậm Cáy	8	2